

Bản án số: **02/2018/HNGĐ - ST**

Ngày 16 tháng 01 năm 2018

“ *V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Hữu Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Kim Mỹ và ông Vũ Đức Bính

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện K - tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2017/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐST – DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1995; Nơi ĐKHKTT và trú tại: xóm T, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1992; Nơi ĐKHKTT: xóm T, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện có mặt chị N, vắng mặt anh T tại phiên tòa (anh T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 06/11/2017 và bản tự khai ngày 10/11/2017, chị Phạm Thị N là nguyên đơn trình bày: chị và anh Đinh Văn T kết hôn với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh T thường xuyên sử dụng rượu, sau đó chửi mắng và đánh đập chị, nhiều lần chị và gia đình khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Do không thể chịu đựng được nên chị và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2014, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con cái: chị xác định vợ chồng có một người con chung là Đinh Phương L, sinh ngày 30/6/2012 hiện đang ở cùng anh T. Khi ly hôn chị nhường quyền nuôi con cho anh T và nhận trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh T theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: chị xác định vợ chồng không có tài sản gì chung nên không yêu cầu giải quyết.

Anh Đinh Văn T là bị đơn trong vụ án, qua bản tự khai ngày 25/12/2017 nội dung trình bày: anh và chị N kết hôn với nhau từ năm 2012 như chị N đã trình bày,

sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xóm T, xã K. Ban đầu anh trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn nên không nhất trí ly hôn mà muốn vợ chồng về đoàn tụ, nhưng sau đó cũng trong bản khai trên anh lại xác định mặc dù vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn nhưng do chị N bỏ đi nhiều lần, anh và gia đình đã tha thứ nhưng chị N không sửa chữa vì vậy anh không chấp nhận cho chị N quay trở về, mặt khác anh là ng-ời theo đạo thiên chúa nên không được phép ly hôn, vì vậy nếu chị N cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do anh không nhất trí cho chị N trở về gia đình và anh bận công việc làm ăn nên anh từ chối đến Tòa án làm việc, không chấp nhận việc hòa giải mà đề nghị Tòa án cứ việc giải quyết ly hôn theo đơn đề nghị của chị N, anh không tham gia phiên hòa giải và xét xử nên anh đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Về con cái anh xác định vợ chồng có hai người con chung là Đinh Phương L, sinh ngày 30/6/2012 hiện đang do anh nuôi dưỡng và cháu Đinh Văn M, sinh ngày 20/8/2014 nhưng cháu M đã mất vào năm 2015. Khi ly hôn anh nhận nuôi con chung là cháu L và không yêu cầu chị N đóng góp tiền nuôi con cho anh vì cháu L đã ở với anh từ nhỏ và hoàn toàn do anh nuôi dưỡng; Về tài sản anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị N và anh Đinh Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã K là quê của hai vợ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và họ đã nhiều lần sống ly thân sau đó được mọi người khuyên giải lại quay về đoàn tụ nhưng quan hệ vợ chồng không được cải thiện, họ tiếp tục sống ly thân từ cuối năm 2014 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống, còn anh T mặc dù ban đầu anh trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn nên không nhất trí ly hôn, nhưng sau đó anh lại xác định vì chị N đã bỏ nhà đi nhiều lần và đã được anh và gia đình tha thứ nhưng chị N không sửa chữa nên anh không chấp nhận cho chị N quay trở về gia đình. Tuy nhiên anh là người theo đạo thiên chúa nên anh không thể đồng ý thuận tình ly hôn được vì vậy anh từ chối việc hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu ly hôn của chị N vắng mặt anh. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N và anh T đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh T là phù hợp.

[2] Về quan hệ con cái: vợ chồng có hai người con chung là Đinh Phương L, sinh ngày 30/6/2012 hiện đang do anh T nuôi dưỡng và cháu Đinh Văn M, sinh ngày 20/8/2014 nhưng cháu M đã mất vào năm 2015. Khi giải quyết ly hôn, HĐXX nhận thấy, anh T đề nghị được nuôi con chung là cháu Đinh Phương L, không yêu cầu chị N phải đóng góp tiền nuôi con cho anh vì từ trước đến nay việc nuôi con do anh hoàn

toàn đảm nhiệm, chị N không có đóng góp gì vì không có điều kiện, không có thu nhập và chị N cũng đồng ý theo ý kiến của anh T, do đó cần chấp nhận theo sự tự nguyện của các đương sự, giao anh T tiếp tục nuôi con chung của vợ chồng và không buộc chị N đóng góp tiền nuôi con cho anh T là phù hợp.

[3] Về tài sản: do chị N và anh T đều không đề nghị giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí.

Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị N với anh Đinh Văn T.

Giao anh T nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Đinh Phương L, sinh ngày 30/6/2012. Chị N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Án phí ly hôn sơ thẩm chị N phải nộp 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002744 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh